

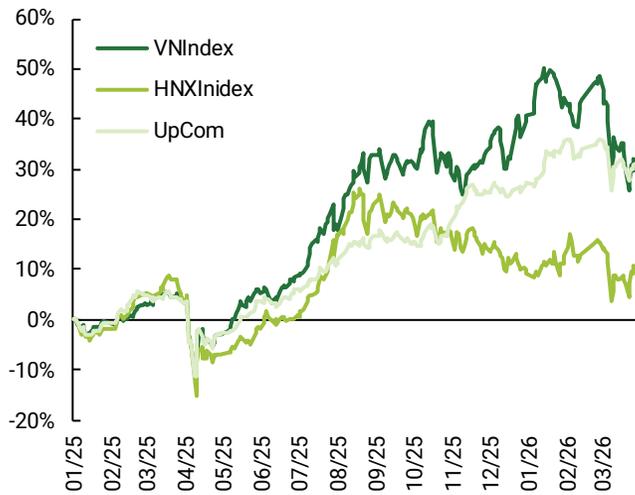
VN-Index **1702.93 (1.70%)**
1003 Tr. cổ phiếu 29369.0 Tỷ VND (17.55%)

HNX-Index **251.46 (0.19%)**
98 Tr. cổ phiếu 1985.6 Tỷ VND (-6.99%)

UPCOM-Index **127.62 (0.95%)**
31 Tr. cổ phiếu 498.7 Tỷ VND (-33.56%)

VN30F1M **1875.80 (2.85%)**
199,104 HD OI: 38,935 HD

% Hiệu suất của các chỉ số từ năm 2025



NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

- Diễn biến:** Chỉ số VNIndex đóng cửa phiên tại 1702.9, tăng +28.4 điểm (+1.70%). Thanh khoản tăng với độ rộng thị trường nghiêng về bên mua. Sắc xanh cũng ghi nhận ở VN30, HNXIndex.
- Điểm nhấn trong phiên:** Thị trường mở cửa phần khởi trước dấu hiệu hạ nhiệt căng thẳng địa chính trị Mỹ - Iran, đồng thuận với phản ứng của chứng khoán toàn cầu. Tổng thống Trump dự kiến sẽ chấm dứt cuộc chiến ở Iran trong hai đến ba tuần và để các nước khác giải quyết vấn đề Eo biển Hormuz.
Nhóm ngành và cổ phiếu diễn biến tích cực trong phiên: Bất động sản: VIC (+4.4%), VHM (+7.0%), VRE (+7.0%) | Du lịch và giải trí: HVN (+5.2%), VJC (+7.0%) | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp: VSC (+2.3%), VTP (+3.1%), GEE (+4.8%) | Ngân hàng: VIB (+1.5%), VCB (+1.6%), BID (+2.2%). Diễn biến yếu: Phân bón: DCM (-6.2%), DPM (-3.2%) | Dầu khí: BSR (-4.9%)
Tác động chỉ số: Chiều tăng | VIC, VHM, VCB, VJC, BID - Chiều giảm | BSR, SHB, DCM, GMD, DPM
Khối ngoại Bán ròng hơn 860 tỷ đồng, tập trung nhiều ở VIC, FPT, BSR, trong khi mua ròng MSN, HPG, SSI.

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

- VN-Index** mở cửa với "gap tăng" lớn nhưng lại đóng cửa tạo mẫu hình nến đỏ, cho thấy áp lực bán trở lại chi phối. Diễn biến này mang tính kỹ thuật trong nhịp hồi, khi nguồn cung có xu hướng gia tăng tại vùng giá cao. Dù vậy, thanh khoản chưa đột biến hàm ý tín hiệu hạ nhiệt trong phiên chưa quá tiêu cực. Bên cạnh đó, nhóm cổ phiếu trụ đang đóng vai trò nâng đỡ chỉ số. Mục tiêu của nhịp hồi có thể hướng tới khu vực 1750 - 1760 điểm. Điểm cần lưu ý là độ rộng thị trường cần cải thiện hơn trong các phiên tới. Nếu chỉ số đi lên nhưng độ rộng suy yếu, rủi ro đảo chiều sẽ gia tăng. Hỗ trợ gần được nâng lên quanh mốc 1650 điểm.
- Đối với HNX-Index**, nỗ lực vượt lên ngưỡng 254 chưa thành công và chỉ số trở lại dao động trong vùng 248 - 254. Trạng thái rung lắc có thể tiếp diễn. Việc bứt phá trên ngưỡng 254 sẽ mở thêm dư địa phục hồi lên vùng 260 điểm.
- Chiến lược:** Dòng tiền đang có xu hướng phân hóa, NĐT cần theo dõi diễn biến điều chỉnh và kiểm định lại các vùng hỗ trợ ngắn hạn ở từng cổ phiếu. Trường hợp trạng thái cân bằng được củng cố và giá hồi phục, có thể xem xét giải ngân một phần. Tỷ trọng chung vẫn nên giữ ở mức vừa phải. Chiến lược hiện phù hợp với các vị thế ngắn hạn (vào nhanh thoát nhanh). Nhóm ngành đáng chú ý gồm Bất động sản, Ngân hàng, Điện và Bảo hiểm.

CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

Theo dõi ABB (Xem tiếp tại trang 7)

Diễn biến thị trường từ đầu năm đến hiện tại

Chỉ số	Giá đóng cửa	% Thay đổi			Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	% Biến động giá trị giao dịch so với			Khối lượng giao dịch (Triệu CP)	% Biến động khối lượng giao dịch so với		
		(%) 1D	(%) 1W	(%) 1M		01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng		01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng
Theo chỉ số												
VN-Index	1,702.9 ▲	1.7%	2.7%	-9.4%	29,369.0 ▲	17.6%	25.8%	-2.4%	1,002.9 ▬	0.3%	9.9%	8.0%
HNX-Index	251.5 ▬	0.2%	0.7%	-4.3%	1,985.6 ▼	-7.0%	9.1%	-3.2%	97.9 ▼	-11.9%	-12.1%	4.7%
UPCOM-Index	127.6 ▬	0.9%	3.1%	-1.3%	498.7 ▼	-33.6%	-30.5%	-70.9%	30.5 ▼	-3.6%	-11.4%	-73.4%
VN30	1,861.8 ▲	1.8%	2.6%	-9.7%	17,053.7 ▲	45.1%	60.8%	12.5%	406.5 ▲	6.6%	24.4%	12.8%
VNMID	2,202.1 ▬	0.3%	2.7%	-4.3%	10,126.5 ▼	-5.0%	4.5%	-15.0%	426.5 ▼	-3.0%	-0.7%	-2.9%
VNSML	1,430.4 ▬	0.5%	1.9%	-5.7%	1,284.3 ▲	5.0%	-19.6%	-21.6%	86.1 ▲	1.9%	-23.6%	-7.0%
Theo ngành (VNIndex)												
Ngân hàng	621.5 ▬	0.8%	2.38%	-9.0%	5,864.2 ▼	-26.35%	-6.5%	-23.1%	254.5 ▼	-26.2%	-7.6%	-17.7%
Bất động sản	720.0 ▲	4.3%	7.0%	-14.1%	8,445.7 ▲	180.9%	149.8%	112.3%	185.3 ▲	27.5%	18.9%	20.5%
Dịch vụ tài chính	315.5 ▲	2.1%	2.6%	-9.4%	4,159.7 ▲	15.2%	34.6%	-5.6%	191.4 ▲	22.8%	37.7%	5.5%
Công nghiệp	282.3 ▲	1.4%	11.6%	-1.2%	1,480.0 ▼	-13.0%	-5.1%	-20.8%	33.2 ▼	-15.1%	-22.2%	-38.1%
Tài nguyên cơ bản	532.1 ▬	0.8%	3.5%	-6.8%	1,158.8 ▲	32.3%	27.6%	-22.4%	48.2 ▲	23.1%	20.3%	-23.4%
Xây dựng - Vật Liệu	181.1 ▼	-0.4%	6.7%	-3.9%	1,606.5 ▲	5.1%	-1.6%	-1.5%	72.1 ▲	8.2%	-6.6%	-3.4%
Thực phẩm	507.3 ▬	0.6%	-7.8%	-34.7%	1,579.5 ▲	5.7%	31.6%	-13.4%	35.1 ▲	5.6%	10.8%	-13.9%
Bán Lẻ	1,554.7 ▬	0.6%	6.4%	-9.8%	743.5 ▼	-9.7%	-10.4%	-38.1%	9.0 ▼	-21.4%	-19.1%	-45.7%
Công nghệ	407.8 ▬	0.8%	-0.4%	-18.6%	745.7 ▲	33.9%	8.6%	-37.0%	11.4 ▲	33.7%	16.0%	-31.4%
Hóa chất	179.6 ▬	0.5%	7.3%	-13.7%	883.7 ▼	-11.0%	-15.2%	-49.6%	24.4 ▼	-8.7%	-11.5%	-43.7%
Tiện ích	764.8 ▬	1.0%	-0.5%	-15.6%	612.3 ▼	-8.1%	-21.3%	-42.0%	25.5 ▲	9.1%	-21.6%	-40.5%
Dầu khí	109.0 ▼	-3.1%	4.0%	-16.0%	966.0 ▼	-5.8%	15.3%	-39.3%	32.2 ▼	-0.9%	23.0%	-22.4%
Dược phẩm	447.7 ▲	1.1%	1.1%	-1.8%	81.2 ▲	212.4%	149.1%	89.0%	2.8 ▲	232.5%	140.2%	50.2%
Bảo hiểm	128.0 ▲	1.4%	2.9%	1.8%	53.9 ▼	-0.6%	-37.8%	-30.4%	1.4 ▲	13.5%	-20.1%	-15.5%

Nguồn: FiinPro, PHS tổng hợp

Diễn biến chỉ số chứng khoán của các thị trường trong khu vực và thị trường lớn trên Thế giới

Chỉ số	Thị trường	Giá đóng cửa	% Thay đổi giá		Chỉ số định giá	
			1 ngày	YTD	P/E	P/B
VN-Index	Việt Nam	1,702.9 ▲	1.70%	-4.6%	15.4x	2.0x
SET-Index	Thái Lan	1,471 ▲	1.58%	16.8%	16.4x	1.4x
JCI-Index	Indonesia	7,184 ▲	1.93%	-16.9%	15.5x	1.9x
FTSE Bursa Malaysia	Malaysia	12,452 ▲	1.20%	1.2%	16.5x	1.4x
PSEi Index	Phillipines	5,999 ▬	0.84%	-0.9%	9.2x	1.2x
Shanghai Composite	Trung Quốc	3,949 ▲	1.46%	-0.5%	18.9x	1.6x
Hang Seng	Hồng Kông	25,294 ▲	2.04%	-1.3%	12.8x	1.3x
Nikkei 225	Nhật Bản	53,740 ▲	5.24%	6.8%	20.2x	2.5x
S&P 500	Mỹ	6,529 ▲	2.91%	-4.6%	25.5x	5.1x
Dow Jones	Mỹ	46,342 ▲	2.49%	-3.6%	23.0x	5.3x
FTSE 100	Anh	10,374 ▲	1.94%	4.5%	16.3x	2.3x
Euro Stoxx 50	Châu Âu	5,706 ▲	2.46%	-1.5%	16.3x	2.3x
DXY		99.5 ▼	-1.01%	1.2%		
USDVND		26,336 ▼	-0.015%	0.1%		

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú: Chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 lấy giá đóng cửa hôm trước

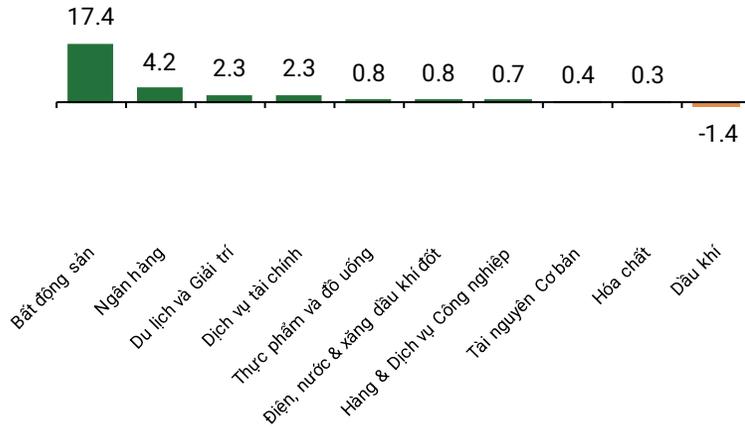
Biến động giá/ chỉ số các loại hàng hóa toàn cầu

Giá/ Chỉ số hàng hóa		% Thay đổi giá			
		1D	1M	% YTD	% YoY
Dầu Brent	▼	-13.1%	41.9%	69.1%	38.1%
Dầu WTI	▼	-1.4%	49.1%	74.1%	40.4%
Khí gas	▼	-1.5%	-0.7%	-23.0%	-28.1%
Than cốc (*)	▲	3.6%	0.0%	0.0%	9.9%
Thép HRC (*)	▼	-0.2%	1.8%	1.0%	-2.0%
PVC (*)	▼	-2.0%	17.3%	18.2%	4.8%
Phân Urea (*)	▬	0.0%	55.0%	84.0%	95.3%
Cao su thiên nhiên	▼	-0.9%	-2.9%	10.5%	2.9%
Bông Cotton	▼	-2.0%	8.1%	7.0%	0.8%
Đường	▼	-2.6%	5.9%	0.9%	-21.7%
World Container Index	▬	0.0%	20.1%	3.0%	5.1%
Baltic Dirty tanker Index	▬	0.0%	86.1%	180.9%	236.2%
Vàng	▲	1.5%	-10.3%	9.7%	52.2%
Bạc	▼	-0.2%	-20.0%	4.7%	122.6%

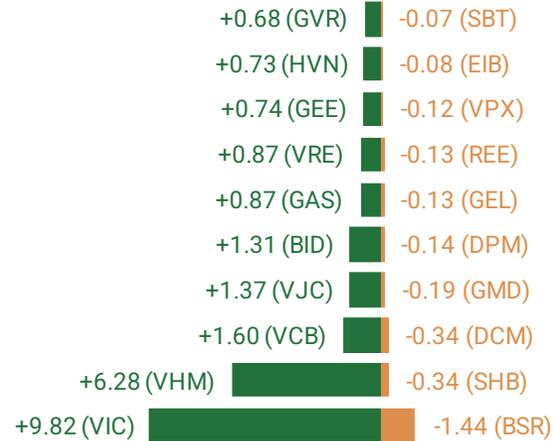
Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú (*) Chỉ số giá tại thị trường Trung Quốc

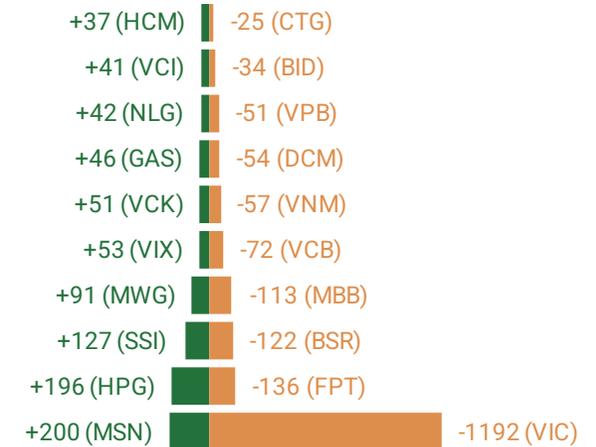
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



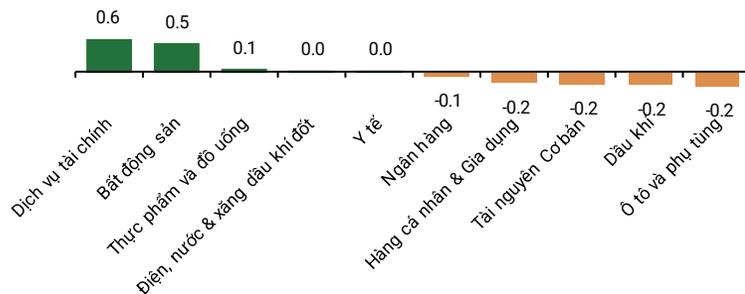
TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



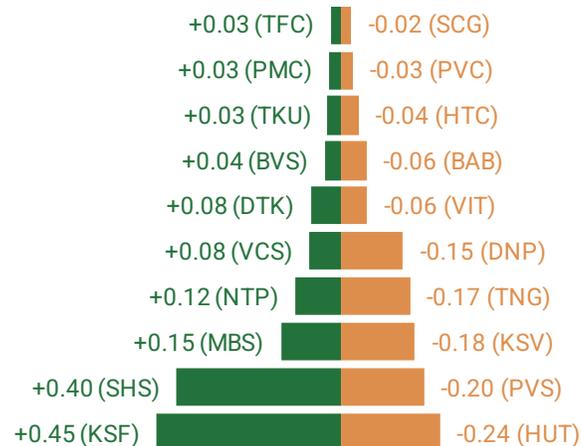
TOP CỔ PHIẾU NHẬTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - VNINDEX



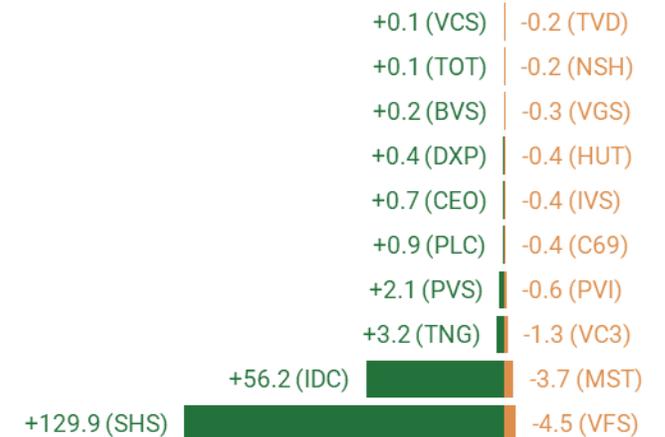
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



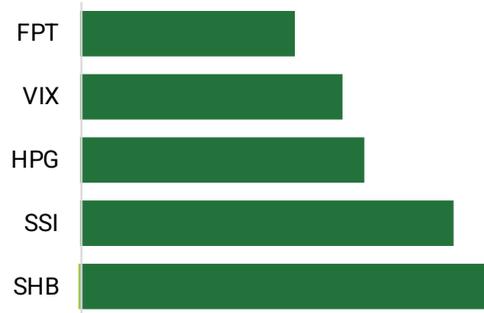
TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU NHẬTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - VNINDEX



	SHB	SSI	HPG	VIX	FPT
%DoD	-2.3%	3.5%	0.9%	2.1%	0.8%
Giá trị	1,231	1,130	860	792	646

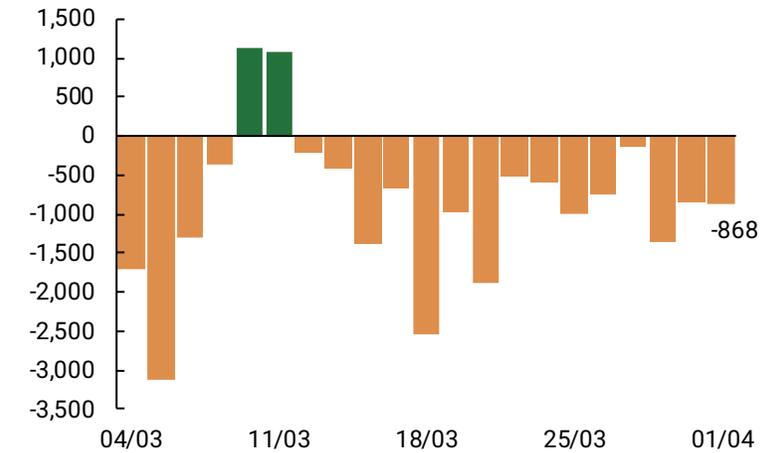
TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) VNINDEX



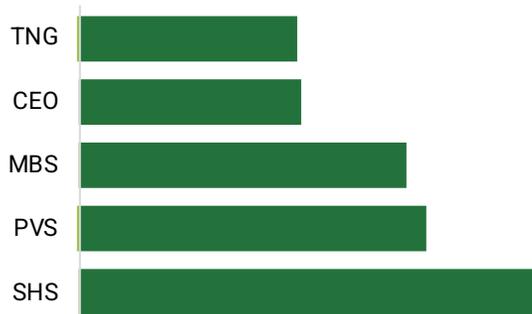
	VIC	SSB	VHM	HPG	VIX
%DoD	4.4%	0.3%	7.0%	0.9%	2.1%
Giá trị	4,771	448	323	151	142

BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI VNINDEX (Tỷ VND)



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - HNXINDEX



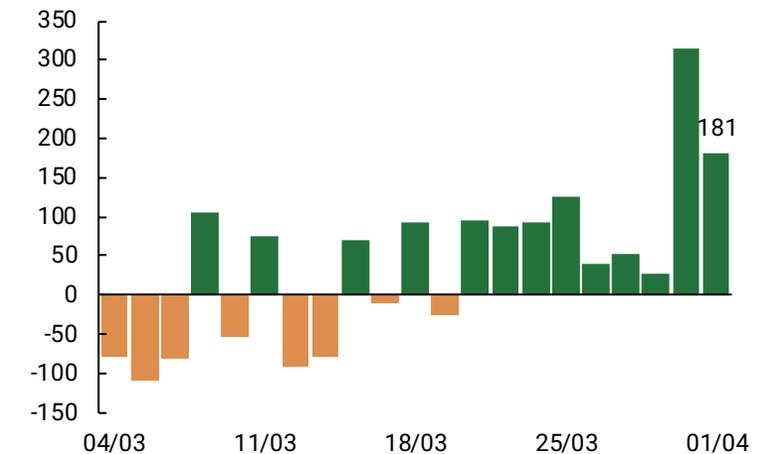
	SHS	PVS	MBS	CEO	TNG
%DoD	4.8%	-1.7%	1.7%	0.0%	-8.7%
Giá trị	416	317	299	202	198

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) HNXINDEX



	NTP	SHS	AAV	AAV	AAV
%DoD	2.1%	4.8%	2.4%	2.4%	2.4%
Giá trị	6	1	0	0	0

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI HNXINDEX (Tỷ VND)





Góc nhìn kỹ thuật VNINDEX

- ✓ Gap tăng nhưng tạo nền đỏ, vol cải thiện nhưng còn dưới bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1650 | 1580.
- ✓ Kháng cự: 1700 | 1760.
- ✓ Chỉ báo MACD, RSI phục hồi trong đà giảm.
- ✓ Xu hướng: Phục hồi kỹ thuật trong xu hướng điều chỉnh.

Kịch bản: Mục tiêu 1700 điểm đã đạt được nhưng lực cung đang trở lại chi phối. Tuy nhiên thanh khoản chưa đột biến, hàm ý tín hiệu hạ nhiệt lạnh mạnh. Khu vực 1680 – 1700 có thể được củng cố thêm trong các phiên tới. Nếu lực cầu ổn định, nhịp hồi có thể tiếp tục hướng đến khu vực 1760 – 1770 điểm. Chiều ngược lại, hỗ trợ duy trì động lượng được nâng lên quanh mức 1650 điểm, tín hiệu thoái lui dưới ngưỡng này có thể khiến đà tăng vi phạm.



Góc nhìn kỹ thuật VN30

- ✓ Gap tăng nhưng tạo nền đỏ, vol cải thiện nhưng còn dưới bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1790 - 1800.
- ✓ Kháng cự: 1860 | 1900.
- ✓ Chỉ báo MACD, RSI phục hồi trong đà giảm.
- ✓ Xu hướng: Phục hồi kỹ thuật trong xu hướng điều chỉnh.

Kịch bản: Mục tiêu tiếp cận ngưỡng cản 1860 điểm đã đạt được, song, lực cung bắt đầu gia tăng. Khu vực 1840 – 1850 khả năng được kiểm định lại trong các phiên tới. Nếu lực cầu vẫn giữ vững mốc này, nhịp hồi có thể tiếp tục cho mục tiêu cao hơn là ngưỡng 1900 điểm. Hỗ trợ duy trì động lượng được nâng lên quanh mức 1790 điểm, tín hiệu thoái lui dưới ngưỡng này có thể khiến đà tăng vi phạm.

STOCK		STRATEGY	Technical		Financial Ratio	
Ticker	ABB	WATCH	Current price	14.80	P/E (x)	5.5
Exchange	UPCoM		Watch zone	14 - 14.3	P/B (x)	1.2
Sector	Banks		Target price	16	EPS	2670.0
			Cut loss price	13.2	ROE	18.3%
				Stock Rating	BBB	
				Scale Market Cap	Medium	



TÍN HIỆU KỸ THUẬT

- Giá thoát khỏi nền tích lũy quanh 14.
 - Chỉ báo MACD cắt lên đường tín hiệu, cùng với RSI cũng cải thiện lên trên mức trung bình, hàm ý động lượng tăng phục hồi.
 - Thanh khoản tăng cho thấy dòng tiền quay trở lại.
- ➔ Xu hướng điều chỉnh đang yếu dần và có thể tiếp tục quán tính tăng.
- ➔ Khuyến nghị Theo dõi, quan sát phản ứng khi giá hạ nhiệt kiểm định lại khu vực 14 – 14.3 .

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủ ro giảm	Ghi chú
1	ABB	Theo dõi	02/04/2026	14.82	14 - 14.3	-	16	13.07%	13.2	-6.71%	

Danh mục cổ phiếu đang khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Ngày cập nhật khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủ ro giảm	Ghi chú
1	GEG	Mua	19/03/2026	-	16.25	16.1 - 16.4	0.3%	18.4	13.20%	15	-7.70%	
2	NLG	Mua	01/04/2026	-	29.85	28.5 - 29	3.6%	32	11.30%	26.8	-6.78%	



Tín hiệu kỹ thuật

- **Hợp đồng VN30F1M** đóng cửa tại 1875.8, tăng 52 điểm (+2.9%). Giá mở cửa tạo "gap tăng" lớn ngay đầu phiên và đà tăng tiếp tục được duy trì sau đó.
- **Ở đồ thị 1 giờ**, chỉ báo MACD vẫn vận động trên đường tín hiệu nhưng RSI có dấu hiệu hạ nhiệt, cho thấy động lượng tăng cần được củng cố. Giá có thể tiếp tục rung lắc trong vùng 1865 – 1880 để tái tạo đà. Vị thế Long cân nhắc khi giá vượt và duy trì trên ngưỡng 1884 hoặc có thể chờ khi giá điều chỉnh về vùng hỗ trợ 1845 – 1850. Vị thế Short cân nhắc khi giá lùi về dưới ngưỡng 1864.
- **Hợp đồng VN100F1M** đóng cửa tại 1805.5, tăng 43 điểm (+2.4%). Độ lệch basis 13.3 điểm (cao hơn VN100 cơ sở). Khối lượng khớp lệnh tăng, đạt 53 HĐ. Hỗ trợ gần quanh khu vực 1790 điểm, trong khi kháng cự là ngưỡng 1820 điểm.

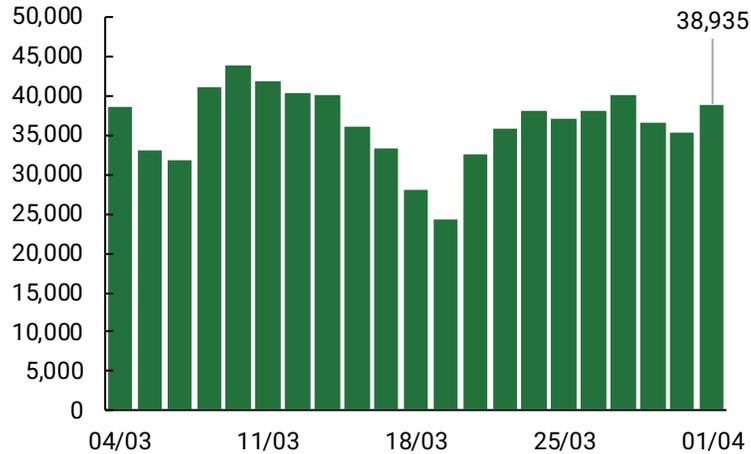
Chiến lược giao dịch trong ngày

Vị thế	Điểm vào	Chốt lời	Cắt lỗ	Lợi nhuận/Rủi ro
Long	> 1884	1898	1875	14 : 9
Short	< 1864	1850	1874	14 : 10
Long	> 1850	1865	1840	15 : 10

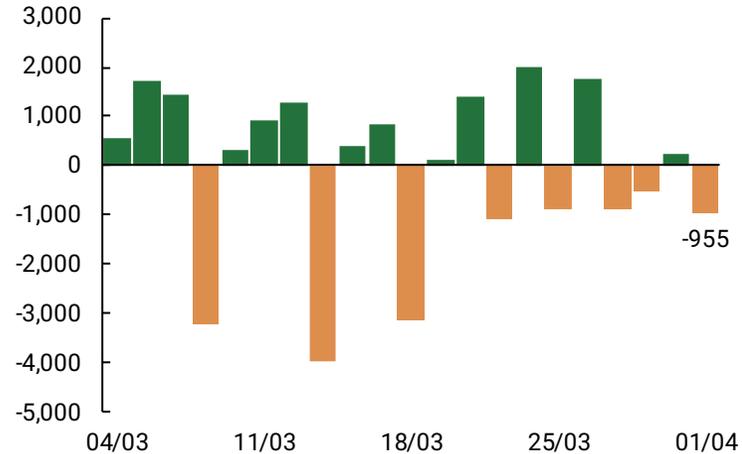
Thông kê hợp đồng tương lai

Mã hợp đồng	Giá đóng cửa	Thay đổi (điểm)	KL giao dịch	KL Mở	Giá lý thuyết	Chênh lệch	Ngày thanh toán	Thời hạn còn lại (ngày)
4111G9000	1,874.7	54.7	44	290	1,874.9	-0.2	17/09/2026	169
4111G6000	1,877.8	57.3	283	1,214	1,867.9	9.9	18/06/2026	78
4111G5000	1,879.6	53.7	381	336	1,865.7	13.9	21/05/2026	50
4111G4000	1,875.8	51.9	199,104	38,935	1,863.0	12.8	16/04/2026	15
4112G4000	1,805.5	43.0	53	43	1,793.3	12.2	16/04/2026	15

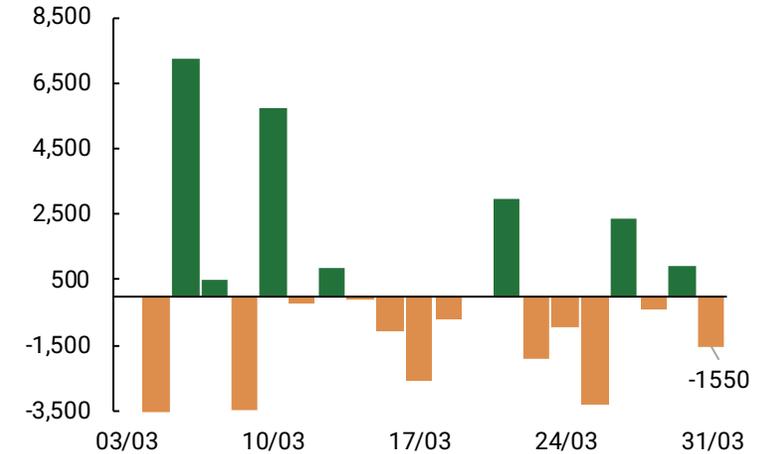
Khối lượng mở (Open interest)



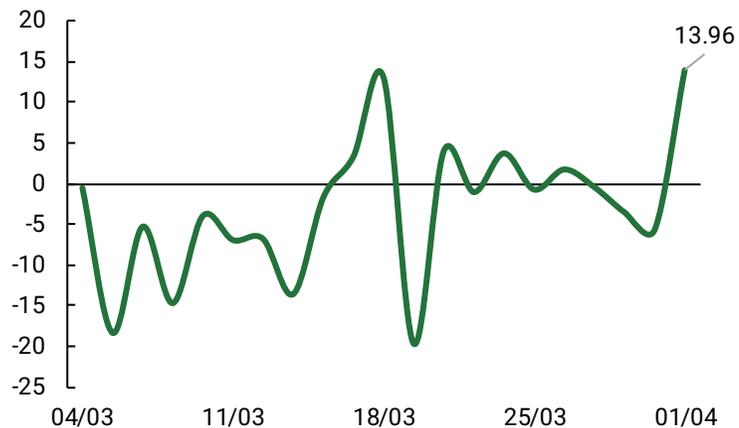
Khối lượng giao dịch ròng của khối ngoại (Hợp đồng)



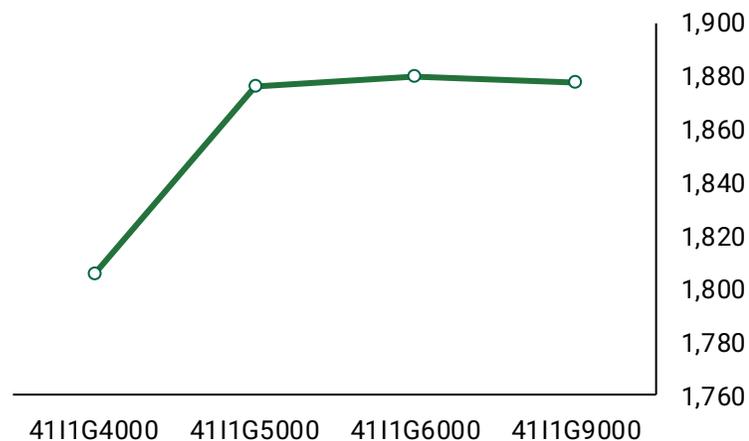
Khối lượng giao dịch ròng của tự doanh (Hợp đồng)



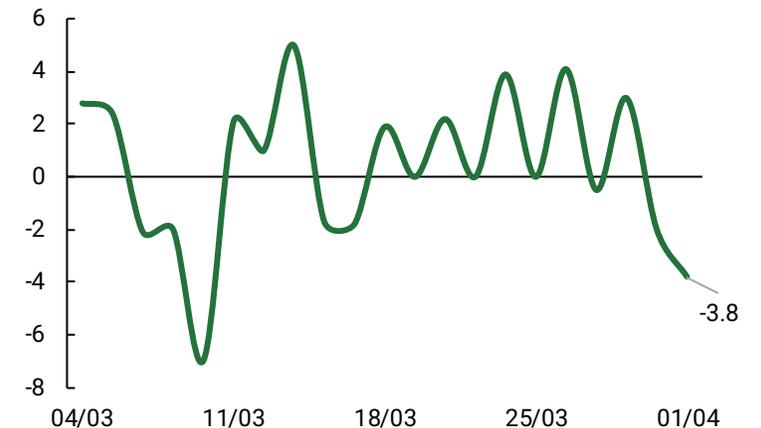
Basis hợp đồng tương lai



Đường cong hợp đồng tương lai



VN30F1M - VN30F2M



THÔNG TIN VĨ MÔ

- 01/04 Vietnam & US - Chỉ số PMI
- 03/04 Mỹ - Tỷ lệ thất nghiệp, Bảng lương phi nông nghiệp
- 05/04 Hàng hóa - Cuộc họp OPEC-JMMC
- 06/04 Việt Nam - Dữ liệu kinh tế vĩ mô
Mỹ - Thời hạn đàm phán Iran
- 07/04 Việt Nam - FTSE rà soát giữa kỳ
- 09/04 Mỹ - Biên bản cuộc họp FOMC
Trung Quốc – Chỉ số CPI, PPI
- 10/04 Mỹ - Chỉ số CPI, Chỉ số Tâm lý Người tiêu dùng Michigan
- 14/04 Mỹ - Chỉ số PPI
- 16/04 Việt Nam - Đáo hạn phái sinh
Trung Quốc – GDP Quý 1
- 28/04 Nhật Bản - BOJ họp và công bố lãi suất
- 29 - Mỹ - FED họp và công bố lãi suất
30/04 Châu Âu - ECB họp và công bố lãi suất
Canada - BOC họp và công bố lãi suất

PMI Việt Nam tháng 3 giảm, chi phí đầu vào tăng mạnh: Cuộc xung đột ở Trung Đông đã khiến tốc độ tăng chi phí đầu vào trong ngành sản xuất của Việt Nam nhanh hơn đáng kể trong tháng 3, từ đó giá bán hàng tăng với tốc độ nhanh nhất trong gần 15 năm. Chỉ số PMI đã giảm còn 51.2 so với 54.3 điểm của tháng 2 cho thấy các điều kiện sản xuất có mức cải thiện ít đáng kể nhất kể từ tháng 9 năm ngoái.

Giá gas bán lẻ cao kỷ lục: Giá gas hôm nay 1/4 cao kỷ lục khi các doanh nghiệp lớn đồng loạt điều chỉnh tăng giá áp dụng cho kỳ tháng 4. Mỗi bình gas 12kg sử dụng tại gia đình được điều chỉnh tăng 95,000 đồng so với cuối tháng 3. Lý do tăng giá là do giá thế giới giao tháng 4 tăng 232.5 USD, lên 775 USD/tấn.

Ông Trump dự kiến sẽ chấm dứt cuộc chiến ở Iran trong hai đến ba tuần: Tại buổi họp báo tại Nhà Trắng vào ngày 31/3, Tổng thống Trump cho biết ông dự kiến Mỹ sẽ kết thúc cuộc chiến ở Iran trong hai đến ba tuần. Ông nói thêm rằng Mỹ về cơ bản đã hoàn thành các mục tiêu quân sự và có thể sẽ để các nước khác giải quyết vấn đề Eo biển Hormuz.

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

VHM - Vinhomes muốn chia cổ tức khủng: Năm 2026, Vinhomes tiếp tục đặt mục tiêu tham vọng với chỉ tiêu doanh thu 250,000 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 50,000 tỷ đồng, lần lượt tăng 63% và 15% so với mức thực hiện năm 2025. Nếu hoàn thành kế hoạch này, Vinhomes có thể ghi nhận một mốc kỷ lục mới cho kết quả kinh doanh. Đáng chú ý, HĐQT Vinhomes cũng trình cổ đông phương án chi trả cổ tức năm 2025 bằng tiền mặt với tỷ lệ 60% và phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức với tỷ lệ 100%.

VNM - Vinamilk lên kế hoạch lãi hơn 9,800 tỷ, chia cổ tức 43.5% bằng tiền mặt: Doanh nghiệp đặt mục tiêu doanh thu hợp nhất năm 2026 đạt hơn 66,477 tỷ đồng, trong khi lợi nhuận sau thuế dự kiến ở mức 9,828 tỷ đồng, cùng tăng trên 4% so với kết quả thực hiện năm 2025. Hội đồng quản trị đề xuất mức cổ tức tiền mặt chính thức cho năm 2025 là 43.5% mệnh giá. Đối với năm 2026, kế hoạch duy trì cổ tức tiền mặt tối thiểu ở mức 50% lợi nhuận sau thuế hợp nhất.

SIP đặt kế hoạch đi lùi sau năm lãi kỷ lục: SIP đặt kế hoạch 2026 thận trọng với tổng doanh thu hợp nhất hơn 5,940 tỷ đồng, lãi sau thuế hơn 874 tỷ đồng, giảm lần lượt 31% và 40% so với thực hiện 2025. Về cổ tức, Doanh nghiệp trình cổ đông thông qua mức chia cổ tức năm 2025 tỷ lệ 50% (đã tạm ứng 10%). Năm 2026, cổ tức không thấp hơn 10% trên vốn điều lệ. Năm nay, SIP dự kiến cho thuê 60ha đất công nghiệp, tập trung chủ yếu tại KCN Phước Đông với 40ha, KCN Lộc An – Bình Sơn 10ha, phần còn lại phân bổ tại KCN Đông Nam và KCN Lê Minh Xuân 3, mỗi khu 5ha.

PDR - Phát Đạt muốn huy động 2,000 tỷ đồng từ cổ đông hiện hữu để M&A: Phát Đạt dự kiến phát hành quyền mua cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1:1, mỗi 5 quyền mua được mua 1 cổ phiếu bổ sung với giá 10,000 đồng/cp, huy động gần 1,996 tỷ đồng vào năm 2026, sau chấp thuận Ủy ban Chứng khoán. Số tiền dùng đầu tư dự án Đà Nẵng Centre Point (629 tỷ), mua cổ phần doanh nghiệp (921 tỷ) và thu mua 50% vốn AKYN (300 tỷ). Công ty cũng dự kiến phát hành cổ phiếu trả cổ tức tỷ lệ 10%. Nếu thành công, vốn điều lệ tăng từ 9,978 tỷ lên 12,371 tỷ đồng.

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
AST	75,500	65,400	-13.4%	Bán
BCM	67,300	73,400	9.1%	Nắm giữ
CTG	38,250	45,200	18.2%	Tăng tỷ trọng
CTD	88,600	87,050	-1.7%	Giảm tỷ trọng
CTI	24,250	27,200	12.2%	Tăng tỷ trọng
DBD	54,300	68,000	25.2%	Mua
DDV	31,198	35,900	15.1%	Tăng tỷ trọng
DGC	73,800	99,300	34.6%	Mua
DGW	51,200	48,300	-5.7%	Giảm tỷ trọng
DPG	47,200	53,100	12.5%	Tăng tỷ trọng
DPR	42,700	46,500	8.9%	Nắm giữ
DRI	13,508	17,200	27.3%	Mua
EVF	13,800	14,400	4.3%	Nắm giữ
FRT	169,000	157,600	-6.7%	Giảm tỷ trọng
GMD	84,400	77,000	-8.8%	Giảm tỷ trọng
HAH	62,800	67,600	7.6%	Nắm giữ
HDG	27,300	34,500	26.4%	Mua
HHV	12,500	12,300	-1.6%	Giảm tỷ trọng
HPG	28,800	34,300	19.1%	Tăng tỷ trọng
IMP	54,000	55,000	1.9%	Nắm giữ
KDH	27,250	38,800	42.4%	Mua

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
MSH	39,250	43,100	9.8%	Nắm giữ
MWG	93,100	99,600	7.0%	Nắm giữ
NLG	27,850	39,900	43.3%	Mua
NT2	27,750	27,700	-0.2%	Giảm tỷ trọng
PHR	63,100	72,800	15.4%	Tăng tỷ trọng
PNJ	121,900	113,300	-7.1%	Giảm tỷ trọng
PVS	47,400	39,900	-15.8%	Bán
PVT	24,050	18,900	-21.4%	Bán
SAB	48,400	57,900	19.6%	Tăng tỷ trọng
SSI	32,400	39,200	21.0%	Mua
TLG	54,500	53,400	-2.0%	Giảm tỷ trọng
TCB	36,250	35,650	-1.7%	Giảm tỷ trọng
TCM	26,700	37,900	41.9%	Mua
TRC	78,500	94,800	20.8%	Mua
VCB	64,900	84,200	29.7%	Mua
VPB	28,950	37,000	27.8%	Mua
VCG	19,150	26,200	36.8%	Mua
VHC	61,500	60,000	-2.4%	Giảm tỷ trọng
VNM	68,200	66,650	-2.3%	Giảm tỷ trọng
VSC	25,900	17,900	-30.9%	Bán

* Giá hợp lý đã điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi **Lê Trần Khang, chuyên viên phân tích cao cấp – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này

Định nghĩa xếp loại

MUA: Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá hơn 20%.

TĂNG TỶ TRỌNG: Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá từ 10% đến 20%.

NẮM GIỮ: Cổ phiếu cho thấy tiềm năng tăng trưởng hạn chế dưới 10%.

Hiệu suất được định nghĩa là tổng lợi nhuận trong 12 tháng (bao gồm cả cổ tức).

BÁN: Cổ phiếu có khả năng giảm hơn -10%.

GIẢM TỶ TRỌNG: Cổ phiếu có thể giảm nhẹ từ 0% đến -10%

KHÔNG XẾP HẠNG: Cổ phiếu không được xếp hạng trong phạm vi theo dõi của PHS hoặc chưa được niêm yết.

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Mỹ, Tp. HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479 Fax: (+84-28) 5 413 5472

Hỗ trợ khách hàng: 1900 25 23 58

Hỗ trợ đặt lệnh: (+84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Sài Gòn, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Chi nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Thanh Xuân, Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Quận 3

Tầng 4, D&D Tower, 458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Phường Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

Chi nhánh Tân Bình

Tòa nhà Park Legend, 251 Hoàng Văn Thụ, Phường Tân Sơn Hòa, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415